

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/DS-PT.

Ngày 04 - 4 - 2025.

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Bà Phạm Thị Hồng Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2024/TLPT - DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1953 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1958 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh Bùi Thành L, sinh năm 1997 (vắng mặt).

6. Chị Bùi Thùy N, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Bùi Thành L và Bùi Thùy N là: bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Văn T1 là: ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: số A, đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Bùi Văn T1 là: Luật sư Trần Ngọc T3 – Công ty L1 – Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị T4, sinh năm 1953 (vắng mặt).

2. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1978 (có mặt).

3. Ông Bùi Văn P, sinh năm 1976 (có mặt).

4. Ông Bùi Văn T5, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1961 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ, bị đơn ông Bùi Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn H1.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị R trình bày:

Cha bà R là cụ Bùi Văn T6, sinh năm 1924 (chết năm 2017) và mẹ là cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1930 (chết năm 2004), cha mẹ bà R chết không để lại di chúc. Cụ T6 và cụ C có tất cả 09 người con gồm: ông Bùi Văn O (chết năm 1993), bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị D, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn H1, ông Bùi Văn T7 (chết năm 2018) và ông Bùi Văn T1, ngoài ra không còn người con nào khác. Cụ T6 chết có để lại di sản là:

- Thừa đất 91, diện tích 100m², tờ bản đồ số 2 loại đất vườn;
- Thừa đất 100, diện tích 9.400m², tờ bản đồ số 2 loại đất trồng lúa;
- Thừa đất 101, diện tích 700m², tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm;

- Thừa đất 517, diện tích 14.180m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, (diện tích theo trích đo bản đồ địa chính chính quy là 1.6795,2m², thừa mới 271 loại đất ONT + CLN);

- Thừa 464 diện tích 5.970m² loại đất lúa;

- Thừa 502 diện tích 2.070m² loại đất lúa;

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do cụ Bùi Văn T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay phần đất tại thửa 100 (11) do ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị R, bà Bùi Thị T, Bùi Thị D, Bùi Thị Đ, Bùi Thị H quản lý sử dụng.

Phần đất tại thửa 517 (271) hiện nay do bà Bùi Thị R, Bùi Thị T, Bùi Văn T1, Bùi Văn H1, anh Bùi Thành L và chị Bùi Thùy N đang quản lý sử dụng mỗi người một phần.

Bà R, bà Đ, bà T, bà D, con của ông T7 là Bùi Thành L, Bùi Thùy N đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Văn T1 sang tên, tách thửa quyền sử dụng đất nhưng ông T1, ông H1 và bà H không đồng ý.

Nay bà R yêu cầu chia thừa kế di sản cụ T6 chết để lại:

Bà Bùi Thị R yêu cầu được chia phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.036,7m² thuộc thửa 11 – 1 (tách 100 -1) gồm các mốc (9;10;12;n;m;l;k;i;g;h;e;d;c;b;a;9) đất trồng lúa và 1.500m² tại thửa 517 loại đất ở và đất trồng cây lâu năm trong đó bà R yêu cầu được nhận hiện vật với phần đất có chiều ngang 7,24m; dài 95,6m, phần diện tích đất còn lại bà đồng ý giao cho ông T1 quản lý sử dụng, bà yêu cầu ông T1 trả lại giá trị đất cho bà với giá 500.000đ/m². Các thửa đất còn lại 91; 101; 464 và 502 bà R không có yêu cầu chia, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Bà Bùi Thị D thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha

mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Bà D yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế với diện tích 1.880m² tại thửa 100 (11), tờ bản đồ số 7 (2), trong đó bà yêu cầu nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 815,9m² thuộc thửa 11-2 (tách 100 -2) gồm các mốc (12;4;q;p;n;12), phần diện tích còn lại 1.064,1m² bà đồng ý giao cho ông T1 quản lý sử dụng, bà yêu cầu ông T1 trả lại giá trị đất cho bà với giá 500.000đ/m². Các thửa đất còn lại 91; 101; 464 và 502 bà D không có yêu cầu chia, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà Bùi Thị T thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Bà T yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế với đất diện tích 1.880m² tại thửa đất số 100 (11) tờ bản đồ số 2, trong đó phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 1.253,4m² thuộc thửa 11-3 (100-3) gồm các mốc (11;3;4;12;10;11); đối với thửa 517 (271) bà T yêu cầu được chia 1.500m² trong đó bà T yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất theo đo đạc thực tế gắn liền với căn nhà của bà đang sinh sống có diện tích 499,6m² thuộc thửa 517 (271) phần diện tích còn lại 1.000,4m² bà đồng ý giao cho ông T1 quản lý sử dụng, bà yêu cầu ông T1 trả lại giá trị đất cho bà với giá 500.000đ/m². Các thửa đất còn lại 91; 101; 464 và 502 bà T không có yêu cầu chia, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ trình bày:

Bà Bùi Thị Đ thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Bà Đ yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế có diện tích 1.880m² tại thửa đất số 100 (11) tờ bản đồ số 2, trong đó diện tích theo đo đạc thực tế là 1.660,5m², thuộc thửa 11-4 (tách 100 -4) gồm các mốc (1;r;t;s;3;11;1), phần diện tích đất còn lại 220m² bà Đ yêu cầu được nhận bằng giá trị 500.000đ/m². Các thửa đất còn lại 91; 101; 464 và 502 bà Đ không có yêu cầu chia, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Bùi Thành L và chị Bùi Thùy N là bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Anh L và chị N là con ruột của ông Bùi Văn T7, anh L, chị N thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột của ông T7, cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại. Yêu cầu được nhận một kỷ phần thừa kế mà ông T7 được hưởng trong khối tài sản do cụ T6 chết để lại là phần đất có diện tích 1.500m² tại thửa 517 (271), tại vị trí có ngôi mộ của ông T7, chiều ngang 13,5m, chiều dài hết phần đất tại thửa 517 (271.) Các thửa đất còn lại 91; 100; 101; 464 và 502 anh L và chị N không có yêu cầu chia, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông Bùi Văn T1 trình bày:

Ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Ông T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn vì khi cha mẹ còn sống có chia đất cho các anh chị em như sau:

- Chia cho ông Bùi Văn O (chết) 1.000m^2 tại thửa 517 diện tích chung 14.180m^2 và 1.000m^2 tại thửa 464 diện tích chung 5.970m^2 . Hiện gia đình ông O đã bán phần đất này cho ông Bùi Văn H1.

- Chia cho bà Bùi Thị R 1.000m^2 tại thửa 100 diện tích chung 9.400m^2 và một liếp vườn có chiều ngang 2m; dài hết đất tại thửa 517 diện tích chung 14.180m^2 có cắm cọc ranh sử dụng. Hiện bà R đang canh tác, nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chia cho bà Bùi Thị D 1.000m^2 tại thửa 100 diện tích chung 9.400m^2 và một phần đất tại xã T và thị trấn V khoảng 3.500m^2 bà D đã bán. Hiện bà D đang quản lý sử dụng một phần đất tại thửa 100 (11) nhưng diện tích bao nhiêu thì ông T1 không biết, chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chia cho bà Bùi Thị H khoảng 1.300m^2 tại thửa 100 diện tích chung 9.400m^2 . Hiện bà H đang quản lý sử dụng, nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chia cho ông Bùi Văn H1 khoảng 5.000m^2 tại thửa 517 diện tích chung 14.180m^2 hiện do ông T1 và ông H1 quản lý sử dụng và 2.070m^2 tại thửa 502 hiện do Bùi Văn T1 quản lý sử dụng nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chia cho bà Bùi Thị Đ 2.000m^2 tại thửa 100 diện tích chung 9.400m^2 . Hiện bà Đ đang quản lý sử dụng.

- Chia cho ông Bùi Văn T7 (chết) $1.867,7\text{m}^2$ tại thửa 464 diện tích chung 5.970m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1.500m^2 tại thửa 517 diện tích chung 14.180m^2 và 01 căn nhà tại thị trấn V hiện do vợ con ông T7 là Nguyễn Thị N1, Bùi Thành L, Bùi Thùy N quản lý sử dụng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chia cho bà Bùi Thị T 1.000m^2 tại thửa 100 diện tích chung 9.400m^2 và 250m^2 tại thửa 517 diện tích chung 14.180m^2 . Hiện bà T đang quản lý sử dụng, nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần ông T1 hiện đang canh tác phần diện tích còn lại tại thửa 91, thửa 100, thửa 101, thửa 464, thửa 517 nhưng diện tích cụ thể bao nhiêu thì ông không biết do chưa đo đạc lại.

Nay ông T1 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng theo sự phân chia của cha mẹ có ranh ổn định.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 trình bày:

Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Nay đối với yêu cầu của các nguyên đơn bà R, bà D, bà T, bà Đ và anh L, chị N do bà N1 làm đại diện thì ông H1 yêu cầu chia một phần đất vườn ở thửa 517 nhưng chưa đo đạc nên ông chưa biết diện tích cụ thể, một phần để làm mồ mã ông bà do hiện nay mồ mã ông bà đang ở thửa 502 và thửa 464 dự kiến sẽ dời mồ mã ông bà vào thửa 517.

Không đồng ý chia phần đất tại thửa 517 (271) cho bà R, bà D và bà Đ, ông H1 chỉ đồng ý chia cho bà R, bà D, bà T và bà Đ tại thửa 100 (11) theo kết quả đo đạc thực tế hiện trạng theo sự chỉ ranh của bà R, bà D, bà T và bà Đ, nhưng phần của bà D chỉ được sử dụng, không được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng ý chia cho bà T phần đất có diện tích 499,6m² gắn liền với căn nhà bà T đang sinh sống và chia cho các con của ông T7 phần đất có ngôi mộ của ông T7 với chiều ngang 7m, chiều dài hết đất.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của bà R về mối quan hệ cha mẹ và anh chị em ruột cũng như di sản cụ C và cụ T6 chết để lại.

Bà H yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng theo sự phân chia của cha mẹ có ranh ổn định. Không còn yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T4 trình bày:

Bà T4 là vợ của ông Bùi Văn O, trong vụ án này bà và các con của ông O là anh M, anh P và anh T5 không có yêu cầu gì, đồng thời bà yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn P trình bày: ông P là con ruột của ông Bùi Văn O, trong vụ án này ông P yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế của ông O.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T5 trình bày: ông T5 là con ruột của ông Bùi Văn O, trong vụ án này ông T5 yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của ông O.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M trình bày: ông M là con ruột của ông Bùi Văn O, trong vụ án này ông M yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của ông O.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 31 và khoản 1 Điều 236 Luật Đất đai năm 2024

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị R.

Chia cho bà Bùi Thị R phần đất có diện tích 1.036,7m², tờ bản đồ số 7 (2) loại đất lúa, thuộc thửa tách 11 – 1 (tách 100 -1) gồm các mốc (9;10;12;n;m;l;k;i;g;h;e;d;c;b;a;9) và 1500m² tại thửa 517 (271) trong đó bà Bùi Thị R được nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 667m² tại thửa (271 - 4), tờ bản đồ số 13 (2) loại đất ở và đất trồng cây lâu năm (có 50m² đất ở và 617m² đất trồng cây lâu năm), phần diện tích còn lại là 883m² buộc ông Bùi Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị R giá trị của 883m² bằng số tiền 333.200.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Giao cho ông Bùi Văn T1 được toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 883m², tại thửa 517 (271), tờ bản đồ số 13 (2), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị D.

Chia cho bà Bùi Thị D phần đất có diện tích 1.500m², trong đó bà Bùi Thị D được nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 815,9m², tờ bản đồ số 7 (2) loại đất lúa, thuộc thửa tách 11-2 (tách 100 - 2) gồm các mốc (12;4;q;p;n;12), phần diện tích còn lại 1.065m² buộc ông Bùi Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị D giá trị của 1.065m² bằng số tiền 426.000.000đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Giao cho ông Bùi Văn T1 được toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.065m², tại thửa 517 (271), tờ bản đồ số 13 (2), tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T

Chia cho bà Bùi Thị T phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.253,4m², tờ bản đồ số 7 (2) loại đất lúa, thuộc thửa tách 11-3 (tách 100-3) gồm các mốc (11;3;4;12;10;11) và 1.500m² tại thửa 517 (271) trong đó bà Bùi Thị T được nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 499,6m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm (có 50m² đất ở và 449,6m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa 517 (tách 517) tờ bản đồ số 13 (2) gồm các mốc (1;2;3;4;1), phần diện tích còn lại tại thửa 517 (271) là 1.000,4m² buộc ông Bùi Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T giá trị của 1.000,4m² bằng số tiền 400.160.000đ (bốn trăm triệu một

trăm sáu mươi nghìn đồng).

Giao cho ông Bùi Văn T1 được toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.000,4m², tại thửa 517 (271), tờ bản đồ số 13 (2), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Văn T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thành L và chị Bùi Thùy N.

Chia cho anh Bùi Thành L và chị Bùi Thùy N phần đất có diện tích 1.617,1m² tại thửa 271 -2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 50m² đất ở và 1.567,1m² đất trồng cây lâu năm), gồm các mốc (d;c;h;f;d).

Các tách thửa nêu trên tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do cụ Bùi Văn T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về cây trồng trên đất: Đương sự được quyền sở hữu cây trồng trên phần đất được chia.

(Vị trí, kích thước, giáp cận của các phần đất theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long kèm theo bản án).

Các đương sự được quyền đi đăng ký kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ do bà Bùi Thị Đ rút lại yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

6. Bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn H1, ông Bùi Văn T5, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P được quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 07/11/2024, nguyên đơn bà Bùi Thị Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V. Chia cho bà Đ phần đất có diện tích 1.500m² tại thửa số 517, diện tích 14.180m², loại đất thổ quả (diện tích theo trích đo bản đồ địa chính chính quy là 16.795,2m² thửa mới là 271, loại đất ONT + CLN).

- Ngày 04/11/2024, bị đơn ông Bùi Văn T1 kháng cáo yêu cầu: sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024. Chia di sản thừa kế của cụ C và cụ Tiếp theo quy định của pháp luật, ông T1 yêu cầu được hưởng nhiều hơn một kỷ phần thừa kế so với các đồng thừa kế khác.

Công nhận kỷ phần mà ông T1 được nhận từ cụ C và cụ T6 để lại cho ông. Thẩm định lại giá trị tài sản của cụ C và cụ T6 để lại theo đúng giá trị thực tế. Ông T1 yêu cầu nhận hiện vật và không đồng ý hoàn trả giá trị cho các hàng thừa kế khác. Yêu cầu Tòa án tiến hành khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, cây trồng trên phần đất đang tranh chấp.

- Ngày 04/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 kháng cáo yêu cầu: hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Ngày 04/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia thừa kế theo đúng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P kháng cáo yêu cầu: hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V. Trường hợp Tòa án không chấp nhận hủy Bản án dân sự sơ thẩm thì ông M và ông P yêu cầu chia cho ông M, ông P và ông T5 được hưởng một kỷ phần thừa kế thế vị của cha ruột là ông Bùi Văn O đối với các thửa đất số 91,100,101,517, 271,464 và 502 là di sản thừa kế của cụ T6 và cụ C chết để lại.

- Ngày 04/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự có mặt đều thừa nhận ngoài các thửa đất nêu trên, di sản của cụ T6 và cụ C chết để lại có thửa đất số 33, tờ bản đồ số 9, diện tích 163,3m², tọa lạc tại khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do cụ C đứng tên kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này. Thửa đất số 33 do bà Nguyễn Thị N1 đang quản lý.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn H1 vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Bùi Văn T1 sửa đổi kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Ngọc T3 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện V xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn bảo lưu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn H1, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thẩm quyền.

- Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:*

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Đ, bị đơn ông Bùi Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P đúng về hình thức, nội dung và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng hàng thừa kế dẫn đến tuyên Bản án không chính xác: Ông Bùi Văn T7 (chết năm 2018 là chết sau cụ T6),

ông T7 có vợ là bà Nguyễn Thị N1 và các con Bùi Thành L và Bùi Thùy N là thừa kế chuyển tiếp, có quyền và được hưởng thừa kế đối với kỷ phần của ông T7. Anh L và chị N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, được bà N1 làm đại diện. Bản án chỉ giải quyết chia thừa kế cho anh L và chị N, nhưng lại không làm rõ yêu cầu của bà N1 để đưa bà N1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "...Trường hợp giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan". Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với bà Nguyễn Thị N1 (là vợ ông T7) thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T7. Bà N1 yêu cầu tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N1 vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm Thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận khi cụ T6 còn sống đã chia đất cho các anh chị em xong, những người được chia đã nhận đất canh tác, cắm ranh, mốc rõ ràng, nhưng chưa kê khai đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, theo hồ sơ vụ án thể hiện cụ C, cụ T6 chết để lại các thửa đất như sau:

- Thửa đất 91, diện tích 100m² loại đất thổ quả;
- Thửa đất 100, diện tích 9.400m² loại đất trồng lúa;
- Thửa đất 101, diện tích 700m² loại đất trồng cây lâu năm;
- Thửa đất 464 diện tích 5.970m² loại đất lúa;
- Thửa 502 diện tích 2.070m² loại đất lúa;
- Thửa đất 517, diện tích 14.180m² loại đất thổ quả;

Hiện ông T1, bà H, ông H1 mỗi người đang canh tác một phần diện tích tại thửa 91, thửa 100, thửa 101, thửa 464, 502, thửa 517 nhưng do cấp sơ thẩm chưa đo đạc nên không rõ diện tích bao nhiêu. Bên cạnh đó, khi cụ T6 còn sống đã chia cho ông O diện tích một công thửa 464 và một công thửa 517 hiện ông O đã chuyển nhượng cho ông H1 đang quản lý sử dụng nhưng cụ T6 vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa làm thủ tục tách thửa sang tên. Chia cho ông T7 diện tích 1867,7 m² thửa 464 ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chia Hải diện tích 2.070m² thửa 502 cho ông H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế nhưng không làm rõ để xác định di sản của cụ T6, cụ C diện tích bao nhiêu làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới được các đương sự có mặt đều thừa nhận ngoài các thửa đất nêu trên, di sản của cụ T6 và cụ C chết để lại còn có thửa đất số 33, tờ bản đồ số 9, diện tích 163,3m², tọa lạc tại khóm A, thị

trần V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do cụ C đứng tên kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này. Thửa đất số 33 do bà Nguyễn Thị N1 đang quản lý.

[3] Tòa sơ thẩm không làm rõ xem xét chia từng kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật, cần xác định diện tích cụ thể từng kỷ phần thừa kế. Từ đó, mới phân chia theo quy định. Do không làm rõ từng kỷ phần mà phân chia thừa kế là không đúng với quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bản án sơ thẩm nhận định: “Đối với ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn H1 và bà Bùi Thị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp không tự thỏa thuận chia di sản thừa kế được thì có quyền khởi kiện một vụ kiện khác để yêu cầu chia thừa kế theo kỷ phần được hưởng” là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì, Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự không có quy định một đối tượng tranh chấp di sản thừa kế được xét xử thành nhiều vụ án.

[4] Từ các nhận định tại [1], [2] và [3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Kháng cáo của bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn H1 là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn H1, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn T1, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Bùi Thị Đ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai thu số 0009577 ngày 08/11/2024.

Hoàn trả ông Bùi Văn T1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai thu số 0009559 ngày 05/11/2024.

Hoàn trả ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn P mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo các biên lai thu số 0009547 và 0009548 cùng ngày 01/11/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTTT&THA TAND TVL:01b;
- TAND H V: 01b;
- Chi cục THADS H V: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường